

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 01-4-2022.

V/v tranh chấp Hôn nhân và
gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bà Đỗ Thị Hiên; bà Bùi Thị Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thìn - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến
Xương, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLST-
HNGĐ ngày 06/01/2022 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022,
giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn H, xã L, huyện T, thành phố
Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Trần Ngọc N, sinh năm 1982

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn D, xã M, huyện K, tỉnh Thái
Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Chị và anh Trần Ngọc N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 04/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng gia đình chị, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì anh N bị tai nạn giao thông, anh N chuyển về thôn D, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình sinh sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đó, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do hoàn cảnh gia đình. Chị và anh N đã ly thân hơn 08 năm nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh N.

Chị và anh N có 01 con chung là Trần Minh A, sinh ngày 31/01/2012, con ở cùng chị từ khi vợ chồng ly thân đến nay, con đang học lớp 4 trường Tiểu học xã L, huyện T. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con vì con đang có cuộc sống và học tập ổn định, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con vì anh N bị liệt nửa người dưới nên không có khả năng lao động, không có thu nhập, chị là lao động tự do (thêu ren), thu nhập bình quân khoảng 5.500.000đ đến 6.000.000đ/tháng, chị có chỗ ở nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc các con.

Chị và anh N tự phân chia tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*) Bị đơn là anh Trần Ngọc N trình bày:

Về điều kiện và thủ tục kết hôn giữa anh và chị H như chị H đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì anh bị tai nạn giao thông, anh phải đi điều trị tại bệnh viện thời gian dài, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, xảy ra cãi vã, chị H mâu thuẫn với gia đình anh. Sau khi anh xuất viện về nhà thì chị H bỏ về quê ngoại sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó

đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên chị H xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Trần Minh A, sinh ngày 31/01/2012, hiện con ở cùng chị H. Ly hôn, anh đồng ý để chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con vì anh không thể nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung: Anh và chị H tự phân chia tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

*) Đại diện chính quyền địa phương nơi anh Trần Ngọc Ni cư trú cung cấp nội dung như sau:

Anh Trần Ngọc N và chị Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và chung sống tại huyện T, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống đến năm 2013 khi anh N bị tai nạn giao thông thì xảy ra mâu thuẫn, giữa chị H và gia đình anh N cũng bất đồng quan điểm về việc chữa bệnh cho anh N nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Thời gian anh N về sinh sống cùng gia đình địa phương không thấy chị H và con về thăm anh N. Việc chị H xin ly hôn anh N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Chị H và anh N có 01 con chung như anh chị đã trình bày là đúng, việc giao con cho ai nuôi đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của từng người, đảm bảo quyền lợi cho con, phù hợp quy định của pháp luật.

Về tài sản chung của anh N và chị H thì địa phương không nắm được, vợ chồng không nợ gì đối với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

+ Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Ngọc N.

+ Về nuôi con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh N: Giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Minh A, sinh ngày 31/01/2012; không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H và bị đơn là anh Trần Ngọc N đều xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Ngọc N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã. Nguyên nhân là do anh N bị tai nạn giao thông, bị liệt nửa người, không còn khả năng lao động. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân nhiều năm nay nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị H xin ly hôn, anh N đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị H và anh N ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Ngọc N là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: chị H và anh N có 01 con chung là Trần Minh A, sinh ngày 31/01/2012, hiện nay con đang ở cùng chị H. Ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con, anh N đồng ý. Hội đồng xét xử thấy chị H có việc làm, có thu nhập, con đang học tập và sinh sống ổn định, anh Ninh bị liệt nửa người, không có khả năng lao động, không có thu nhập. Do đó, chấp nhận sự thỏa thuận của chị H và anh N cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Minh A, chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147; 203; 235; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Ngọc N.

2. Về nuôi con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Ngọc N: Giao cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Minh Anh, sinh ngày 31/01/2012; không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Chị H và anh N có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0001534 ngày 06/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Thái Bình thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã L, huyện T, TP.Hà Nội (nơi ĐKKH);
- UBND xã M, huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái